

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, bao gồm:

a) Khoản 3 Điều 6 quy định về đào tạo, huấn luyện và cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Khoản 4 Điều 7 quy định về huấn luyện, cấp chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

c) Khoản 3 Điều 8 quy định về quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

d) Khoản 3 Điều 10 quy định về thủ tục thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

đ) Khoản 5 Điều 14 quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật;

e) Khoản 6 Điều 17 quy định về kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí, trừ việc nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

g) Khoản 1 Điều 74 quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao.

2. Các biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, bao gồm: Kiểm tra công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; trách nhiệm quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Làm mất tính năng, tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ là việc tổ chức, doanh nghiệp được phép nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí, công cụ hỗ trợ thực hiện các biện pháp để làm mất tính năng, tác dụng và khả năng sử dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là công trình được xây dựng tại một địa điểm theo tiêu chuẩn kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để cất giữ, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Nơi cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ là địa điểm được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bố trí để cất giữ, bảo quản vũ khí, công cụ hỗ trợ bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy.

4. Phân loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là việc thực hiện đánh giá, phân cấp, sắp xếp và thống kê vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo chủng loại, chất lượng, giá trị sử dụng, tính năng, tác dụng và tính chất mức độ nguy hiểm.

5. Đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là hoạt động của cơ quan có thẩm quyền trong việc phổ biến các quy định của pháp luật, hướng dẫn quản lý, bảo quản, vận chuyển, cấu tạo, tính năng tác dụng, kỹ năng sử dụng đối với từng loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

6. Cơ quan có thẩm quyền trang cấp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là cơ quan được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ thực hiện việc trang bị, cấp phát vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đơn vị thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân quản lý, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ.

7. Nơi công cộng là khu vực, địa điểm phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người, tập trung các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Điều 4. Quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Việc quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và quy định sau đây:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải quản lý, bảo quản tại kho, nơi cất giữ; chỉ được sử dụng khi có giấy phép sử dụng hoặc đã đăng ký, khai báo theo quy định;

b) Kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định theo thẩm quyền;

c) Kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; có phương án bảo vệ, phương án ứng phó sự cố, nội quy và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phê duyệt; có thiết bị, phương tiện bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật để phục vụ quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

d) Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ bảo quản trong kho, nơi cất giữ, phải sắp xếp gọn gàng, riêng biệt theo từng chủng loại, nhãn hiệu; không để chung các vật liệu, vật dụng dễ cháy nổ với vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ hoặc vật liệu nổ quân dụng với vũ khí, công cụ hỗ trợ trong cùng kho, nơi cất giữ.

2. Chế độ quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải lập hồ sơ, sổ theo dõi; khi xuất vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ ra khỏi kho, nơi cất giữ để sử dụng phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đồng ý và ghi đầy đủ thông tin vào hồ sơ, sổ theo dõi, có chữ ký xác nhận của người giao, người nhận; sau khi sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ hoặc vật liệu nổ quân dụng không sử dụng hết phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và bàn giao cho người được giao quản lý kho, nơi cất giữ để bảo dưỡng, bảo quản, quản lý theo quy định.

b) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thường xuyên tổ chức kiểm tra kỹ thuật, đánh giá chất lượng, phân loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được trang bị, sử dụng; định kỳ tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả bằng văn bản về cơ quan có thẩm quyền trang cấp và cơ quan cấp giấy phép trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định;

c) Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân không còn nhu cầu sử dụng, hết hạn sử dụng, hư hỏng không còn khả năng sử dụng hoặc không thuộc đối tượng được trang bị phải giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền trang cấp để thu hồi, thanh lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

d) Vũ khí, công cụ hỗ trợ trang bị cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an không còn nhu cầu sử dụng, hết hạn sử dụng, hư hỏng không còn khả năng sử dụng hoặc không thuộc đối tượng được trang bị phải giao nộp cho cơ quan cấp giấy phép trang bị để thu hồi, thanh lý, tiêu hủy theo quy định;

đ) Trường hợp mất vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ hoặc xảy ra sự cố đối với kho, nơi cất giữ phải báo cáo ngay với Công an cấp xã nơi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở, cơ quan trang cấp và cơ quan cấp giấy phép trang bị để có biện pháp xử lý theo quy định.

3. Người được giao quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải có trách nhiệm thực hiện quy định sau đây:

a) Thống kê, ghi chép đầy đủ vào sổ theo dõi việc cấp phát, tiếp nhận, thu hồi, điều chuyển, điều động, chuyển cấp, hư hỏng, mất, sửa chữa vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, có biện pháp phòng chống han, gỉ, mối, mọt, ẩm, mốc đối với vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; thực hiện vệ sinh trong, ngoài kho, nơi cất giữ bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường.

Điều 5. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thực hiện theo trình tự như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ để giao nộp. Sau khi nhận được văn bản đề nghị cấp giấy phép vận chuyển thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị, sử dụng tổ chức thu hồi vũ khí, vật liệu nổ

quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản này. Trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền trực tiếp thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ tại trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị giao nộp thì không phải cấp giấy phép vận chuyển.

Cơ quan có thẩm quyền trang cấp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ của các đơn vị trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân thì tổ chức thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị, sử dụng hoặc cơ quan có thẩm quyền trang cấp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm kiểm tra, lập biên bản thu hồi, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nước sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, tình trạng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

2. Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thực hiện theo trình tự như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ, giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép phải thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị về thời gian, địa điểm giao nộp để thu hồi;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ có trách nhiệm kiểm tra, lập biên bản thu hồi, trong đó ghi rõ số lượng, loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi;

c) Đối với các đơn vị trong Công an nhân dân sau khi giao nộp vũ khí, công cụ hỗ trợ cho cơ quan có thẩm quyền trang cấp thì phải giao nộp giấy phép sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không thực hiện việc giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ theo quy định tại Điều 9 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì cơ quan có thẩm quyền trang cấp hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị tiến hành kiểm tra, lập biên bản theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này, tổ chức thu hồi vũ khí, vật liệu nổ

quân dụng, công cụ hỗ trợ, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy theo quy định. Đối với giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ đã thu hồi, định kỳ hằng năm cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ phải thống kê cụ thể từng loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ đã thu hồi và tổ chức tiêu hủy, lập biên bản ghi nhận kết quả tiêu hủy.

Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

1. Vũ khí, công cụ hỗ trợ trước khi sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật phải làm mất tính năng, tác dụng; trừ vũ khí thô sơ thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng được phép nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí, công cụ hỗ trợ thì được thực hiện làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ sau khi có văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an có thẩm quyền xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp giấy phép trang bị, sử dụng; Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp giấy phép trang bị, sử dụng.

Cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thực hiện việc xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng phải thực hiện như sau:

a) Văn bản đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ của từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ; tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện làm mất tính năng, tác dụng;

b) Văn bản quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Công an, gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan Công an có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp nộp trực tiếp thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

Đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thì văn bản đề nghị nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định. Trường hợp nộp trực tiếp thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thực hiện thủ tục làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này có văn bản thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu vũ khí, công cụ hỗ trợ, thời gian, tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng, tác dụng; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

Sau khi tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an đã làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ thì thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị và Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hoặc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tiến hành kiểm tra, lập biên bản đánh giá tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng và cấp Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

5. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng có nhu cầu sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật phải thực hiện như sau:

a) Văn bản đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ vũ khí, công cụ hỗ trợ;

b) Văn bản quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Bộ Công an, gửi

qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan Công an có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp nộp trực tiếp thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

Đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thì văn bản đề nghị nộp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng, gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định. Trường hợp nộp trực tiếp thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phải tiến hành kiểm tra, lập biên bản và có văn bản thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 7. Biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao

1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển dao có tính sát thương cao phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Khi sản xuất dao có tính sát thương cao phải đóng, khắc nhãn hiệu, ký hiệu hoặc tên cơ sở sản xuất trên sản phẩm; quá trình sản xuất phải quản lý chặt chẽ, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; sản phẩm dao có tính sát thương cao phải được bọc kín, đóng gói hoặc đóng thùng;

b) Bán, giới thiệu sản phẩm dao có tính sát thương cao tại địa điểm cố định phải cất giữ trong tủ, khay hoặc giá; trường hợp bán dao có tính sát thương cao không có địa điểm cố định thì phải được bọc kín, đóng gói hoặc có biện pháp cất giữ, bảo quản chặt chẽ, an toàn;

c) Việc xuất khẩu, nhập khẩu dao có tính sát thương cao thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại; sản phẩm dao có tính sát thương cao phải có nguồn gốc, xuất xứ hoặc trên sản phẩm có nhãn hiệu, ký hiệu hoặc tên cơ sở sản xuất;

d) Khi vận chuyển dao có tính sát thương cao để kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu phải đóng gói, đóng thùng, chằng buộc chắc chắn bảo đảm không dễ rơi, mất, thất lạc trong quá trình vận chuyển;

đ) Quá trình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển dao có tính sát thương cao bị mất, thất lạc tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phải thông báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất.

2. Cá nhân khi vận chuyển, mang dao có tính sát thương cao để sử dụng trong lao động, sản xuất, sinh hoạt phải được bọc hoặc cất giữ, quản lý bảo đảm an toàn; mang dao có tính sát thương cao vào nơi công cộng phải được

bọc hoặc cất giữ, bảo quản chặt chẽ; việc sử dụng phải có biện pháp quản lý, bảo quản chặt chẽ, không để người khác lợi dụng sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

3. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao phải có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 8. Kiểm tra công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng

1. Cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an định kỳ 01 lần trong 01 năm hoặc đột xuất.

Việc kiểm tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu công tác bảo đảm an ninh, trật tự.

2. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập đoàn kiểm tra và thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trước khi tổ chức thực hiện việc kiểm tra ít nhất 03 ngày làm việc; trường hợp kiểm tra đột xuất thì phải thông báo trước khi tiến hành kiểm tra cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp biết.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được kiểm tra phải xây dựng báo cáo kết quả công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra; bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm để làm việc với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra; có biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế được ghi nhận tại biên bản kiểm tra hoặc xử lý vi phạm (nếu có).

4. Việc kiểm tra phải bảo đảm đúng quy định và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; kết thúc kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra, biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

5. Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Chương II

KINH DOANH, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VŨ KHÍ

Điều 9. Điều kiện kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí

1. Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng kinh doanh vũ khí phải được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ kinh doanh vũ khí; trường hợp tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vũ khí quân dụng phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

2. Người quản lý, người có liên quan trực tiếp đến kinh doanh vũ khí phải được huấn luyện về quản lý vũ khí và nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy; kho, nơi cất giữ, phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ phục vụ kinh doanh phải phù hợp, bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố và bảo vệ môi trường trong quản lý, bảo quản, vận chuyển vũ khí.

3. Tổ chức, doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí phải là tổ chức, doanh nghiệp được phép kinh doanh vũ khí và được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí.

Điều 10. Thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu; số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, nước sản xuất vũ khí; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ;

b) Bản sao văn bản được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí.

2. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này lập thành 01 bộ và nộp tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phải kiểm tra, cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này lập thành 01 bộ và nộp tại cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng phải kiểm tra, cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

4. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí có thời hạn 90 ngày.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp được kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí

1. Chỉ được kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí theo giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp; vũ khí phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nước sản xuất, năm sản xuất đối với từng loại vũ khí.

2. Duy trì thường xuyên các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí.

Chương III

**ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SỬ DỤNG
VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ;
HUẤN LUYỆN, CẤP CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ KHO, NƠI CẤT GIỮ
VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ**

Điều 12. Đối tượng đào tạo, huấn luyện, cấp giấy chứng nhận sử dụng, vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; huấn luyện, cấp chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Người được giao sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an phải được đào tạo, huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ. Trường hợp là huấn luyện viên, vận động viên sử dụng vũ khí thể thao để luyện tập, thi đấu thể thao thì được miễn huấn luyện về kỹ năng sử dụng.

2. Người được giao quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải được huấn luyện và cấp Chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 13. Nội dung, thời gian, địa điểm, kinh phí tổ chức đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Việc đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm phù hợp với nội dung đăng ký đào tạo, huấn luyện về đối tượng, chủng loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2. Nội dung huấn luyện

a) Quy định của pháp luật về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Cấu tạo, tính năng, tác dụng của từng loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

c) Công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, tháo lắp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

d) Kỹ năng sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Thời gian đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, vật liệu nổ quân dụng 10 ngày làm việc; quản lý, sử dụng vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ và quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ 05 ngày làm việc.

4. Địa điểm tổ chức đào tạo, huấn luyện phải có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với công tác huấn luyện; bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường. Trường hợp kiểm tra bắn đạn thật phải được tổ chức tại trường bắn theo quy định.

5. Kinh phí tổ chức đào tạo, huấn luyện do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị huấn luyện chịu trách nhiệm.

Điều 14. Tiêu chuẩn cán bộ đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Có trình độ đại học thuộc hệ thống đào tạo của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc trung cấp chuyên ngành quân khí trở lên.

2. Có kỹ năng, chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm thực tế 02 năm công tác trở lên trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 15. Thẩm quyền đào tạo, huấn luyện và cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; huấn luyện, cấp chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an

1. Thẩm quyền đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an;

b) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Cục Trang bị và kho vận, Bộ Công an;

d) Các học viện, trường Công an nhân dân, Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân.

2. Thẩm quyền cấp, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

a) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an có thẩm quyền cấp, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trên phạm vi toàn quốc;

b) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền cấp, cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ có trụ sở đóng tại địa phương.

Điều 16. Thủ tục đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị đào tạo, huấn luyện của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ nhu cầu, số lượng người tham gia đào tạo, huấn luyện; thời gian, địa điểm tổ chức đào tạo, huấn luyện;

b) Danh sách người tham gia đào tạo, huấn luyện, trong đó ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, chức vụ; kèm theo 03 ảnh màu chụp kiểu chân dung cỡ 03 cm x 04 cm, mặc trang phục theo quy định (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ).

2. Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, chức vụ, số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu của người đến liên hệ.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xây dựng kế hoạch và quyết định mở lớp đào tạo, huấn luyện; bố trí cán bộ đào tạo, huấn luyện bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Nghị định này. Trường hợp cơ quan quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định này tổ chức đào tạo, huấn luyện thì sau khi có quyết định mở lớp đào tạo, huấn luyện phải có văn bản thông báo và kèm theo quyết định mở lớp cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này để tổ chức kiểm tra, sát hạch, cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 17. Kiểm tra, sát hạch để cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Sau khi kết thúc đào tạo, huấn luyện, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm thành lập Hội đồng sát hạch để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, huấn luyện, cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2. Trường hợp cơ quan quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 15 Nghị định này tổ chức đào tạo, huấn luyện thì sau khi kết thúc đào tạo, huấn luyện, phải có văn bản đề nghị; danh sách người tham gia đào tạo, huấn luyện, trong đó ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, chức vụ; kèm theo 03 ảnh màu chụp kiểu chân dung cỡ 03 cm x 04 cm, mặc trang phục theo quy định (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ) gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này để tổ chức kiểm tra, sát hạch. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm thành lập Hội đồng sát hạch để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, huấn luyện, cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Thành lập Hội đồng sát hạch

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch, bao gồm: Lãnh đạo Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội là Chủ tịch hội đồng; đại diện Phòng hướng dẫn quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; đại diện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị đào tạo, huấn luyện; đại diện cơ quan tổ chức đào tạo, huấn luyện (nếu có) là thành viên hội đồng;

b) Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch, bao gồm: Lãnh đạo Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội là Chủ tịch hội đồng; đại diện Đội đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; đại diện cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị đào tạo, huấn luyện; đại diện cơ quan tổ chức đào tạo, huấn luyện (nếu có) là thành viên hội đồng.

4. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra lý thuyết

Cá nhân được đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải làm bài thi trắc nghiệm trong thời gian 40 phút; bài thi trắc nghiệm gồm 30 câu hỏi về các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; số điểm tối đa bài thi trắc nghiệm là 30 điểm;

b) Kiểm tra thực hành

Cá nhân được đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải thực hiện kỹ năng, thao tác, tháo lắp, bảo dưỡng, sử dụng. Thời gian kiểm tra căn cứ vào thực tế, Hội đồng sát hạch trực tiếp đánh giá kết quả kiểm tra;

c) Kiểm tra bắn đạn thật đối với người được đào tạo, huấn luyện về sử dụng súng quân dụng, súng thể thao; người được kiểm tra phải bắn 03 viên đạn thật tính điểm tại trường bắn theo quy định.

5. Đánh giá kết quả kiểm tra

Người được đào tạo, huấn luyện đạt yêu cầu khi có kết quả kiểm tra lý thuyết từ 25 điểm trở lên; đạt yêu cầu kiểm tra thực hành; kiểm tra bắn đạn thật tính điểm 03 viên từ 15 điểm trở lên (nếu có).

Điều 18. Cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Việc cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi kết thúc kiểm tra, sát hạch cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các cá nhân có kết quả đạt yêu cầu; đối với cá nhân không đạt yêu cầu, gửi thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị đào tạo, huấn luyện biết;

b) Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ có giá trị trong thời hạn 05 năm.

2. Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ hết hạn thì thực hiện theo trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ

vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

3. Cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với trường hợp bị hỏng hoặc mất giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ lý do; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, chức vụ của người đề nghị cấp lại giấy chứng nhận, chứng chỉ; kèm theo 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung cỡ 03 cm x 04 cm, mặc trang phục theo quy định (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ);

b) Văn bản quy định tại điểm a khoản này nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Công an hoặc gửi qua đường bưu chính về cơ quan đã cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ. Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, chức vụ, số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu của người đến liên hệ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ có trách nhiệm kiểm tra, xem xét và cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp, phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Giấy chứng nhận, chứng chỉ được cấp lại giữ nguyên thời hạn như giấy chứng nhận, chứng chỉ đã cấp trước đó.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao;

b) Ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đối với kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

c) Ban hành biểu mẫu phục vụ công tác đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổ chức đăng ký, cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

đ) Phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

e) Quy định việc trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong Công an nhân dân; phối hợp với các bộ, ngành có liên quan quy định việc trang bị, quản lý, sử dụng, sửa chữa, vận chuyển, phân loại, thanh lý, làm mất tính năng, tác dụng, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

g) Tổ chức thực hiện việc thu hồi, phân loại, bảo quản, chuyển loại, thanh lý, tiêu hủy đối với vũ khí, công cụ hỗ trợ do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an giao nộp;

h) Biên soạn nội dung, chương trình huấn luyện; tổ chức đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

i) Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

k) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong Công an nhân dân;

l) Thống kê, tổng hợp tình hình, kết quả về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

m) Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh hoặc khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng và lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên khu vực biên giới, cửa khẩu, vùng trời, vùng biển, đảo theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ;

b) Quy định việc trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Cảnh sát biển và Cơ yếu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

c) Tổ chức đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp, cấp lại, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

d) Tiếp nhận, xử lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng do cơ quan Công an thu hồi từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân bàn giao hoặc vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do tổ chức, cá nhân giao nộp;

đ) Ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo thẩm quyền;

e) Phối hợp với Bộ Công an trong việc sửa chữa, chuyển loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

g) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong phạm vi quản lý.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vật liệu nổ quân dụng trong nghiên cứu khoa học và công nghệ; phối hợp thẩm định và công bố tiêu chuẩn kho vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông phối hợp với các bộ, ngành tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; tuyên truyền, vận động nhân dân phát hiện, giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Các bộ, ngành có đối tượng thuộc diện được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện việc trang bị, quản lý, bảo quản, sử dụng, sửa chữa, vận chuyển, phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, công cụ hỗ trợ. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; cung cấp số liệu phục vụ thống kê nhà nước; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc nội dung quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh hoặc khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; quy định tại Điều 7 Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3. Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). DTH₁₀

